

Bản án số: 28/2017/ HNGĐ- ST

Ngày: 29/9/2017

“V/v ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Hiệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Phúc Ân

2. Ông Nguyễn Thanh Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Thái Long - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Vũ Thị Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại Nhà văn hóa khu dân cư N, phường S, thị xã C, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 259/2017/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2017 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2017/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đào Thị Q, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn B, xã A, thị xã C, tỉnh Hải Dương; có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn T, xã A, thị xã C, tỉnh Hải Dương; vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn và bị đơn trình bày: Chị Q và anh H tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 28/9/2016 tại UBND xã A, thị xã C. Anh chị chung sống hòa thuận được thời gian ngắn thì mâu thuẫn. Nguyên nhân do thời gian tìm hiểu trước hôn nhân quá ngắn, vợ chồng chưa biết rõ về nhau đã kết hôn. Khi về sống chung, vợ chồng mâu thuẫn gay gắt về tính cách và quan điểm sống. Vợ chồng không cãi nhau hay đánh nhau nhưng không có sự cảm thông, chia sẻ, tình cảm vợ chồng không phát sinh thêm mà ngày càng lạnh nhạt. Từ tháng 7/2017 chị Q đã về sống tại nhà bố mẹ đẻ ở thôn B, xã A, thị

xã C, tỉnh Hải Dương, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau. Chị Q xác định không thể tiếp tục về sống chung với anh H được nữa nên khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh H. Anh H không đồng ý ly hôn vì mong muốn vợ chồng có cơ hội đoàn tụ. Về con chung: Chị Q và anh H không có con chung. Về quan hệ tài sản: Chị Q và anh H không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Chị Q giữ nguyên yêu cầu ly hôn anh H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chí Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Q. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Q ly hôn anh H. Về quan hệ con chung và quan hệ tài sản chung: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Chị Đào Thị Q khởi kiện xin ly hôn đối với anh Nguyễn Văn H có địa chỉ cư trú tại xã A, thị xã C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Chí Linh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Văn H là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 228 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh H.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Q và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 28/9/2016 tại UBND xã A, thị xã C nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau thời gian ngắn hòa thuận, anh chị có mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do thời gian tìm hiểu trước khi kết hôn quá ngắn, anh chị chưa biết rõ về tính cách của nhau. Khi về sống chung, giữa anh chị có bất đồng quá lớn về tính cách và về quan điểm sống, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Từ tháng 7/2017, chị Q đã về nhà mẹ đẻ sống cho đến nay, anh chị không quan tâm chăm sóc nhau. Mâu thuẫn giữa anh chị đã được gia đình hai bên nhiều lần hòa giải nhưng không được. Xét thấy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Anh H không đồng ý ly hôn chị Q nhưng không có lý do chính đáng và không có biện pháp cải thiện quan hệ vợ chồng. Yêu cầu ly hôn của chị Q phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Anh chị không có con chung nên không đặt ra xem xét.

[2.3]. Về quan hệ tài sản: Anh chị không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[2.4]. Về án phí: Chị Q là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đào Thị Q, xử cho chị Đào Thị Q ly hôn anh Nguyễn Văn H.

- Quan hệ con chung: Không có.

- Quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Chị Đào Thị Q phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2016/0000022 ngày 09/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Hải Dương, chị Q đã nộp đủ án phí.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Hữu Hiệu